

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/HS-ST

Ngày: 30/10/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Biều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Thế Dương, Bà Trần Thị Lan Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trình, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025. Tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2025/TLST-HS ngày 01/10/2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐXXST-HS ngày 16/10/2025 đối với bị cáo:

*** Hà Thị N**, sinh năm 1968, tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên); Giới tính: Nữ; HKTT: Số nhà D, đường T, tổ C, phường T, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Hà Thế P, con bà: Trương Thị N1; Chồng: Ngô Dương B; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Ngô Dương B, sinh năm 1954.

- Anh Ngô Việt A, sinh năm 1992.

Đều trú tại: Số nhà D, đường T, tổ C, phường T, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1992.

Trú tại: Số nhà B, tổ I, phường T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

- Chị Vũ Thị Minh H, sinh năm 1978.

Trú tại: Số nhà A ngõ F, phố L, tổ B, phường T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần D, địa chỉ số nhà F, phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) có 09 chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán phụ thuộc, trong đó có bộ phận bán hàng OTC, có nhiệm vụ phát triển mạng lưới kinh doanh, khai thác nguồn hàng và bán hàng trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Công ty, chấp hành các quy định của Công ty và chính sách pháp luật của Nhà nước, tự chủ hạch toán và chịu trách nhiệm về các chi phí phát sinh trong hoạt động bao gồm tiền lương, tiền bảo hiểm các loại, các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản đóng góp theo quy định của Công ty, chịu sự giám sát của Công ty về các hoạt động và chịu trách nhiệm trước Công ty về kết quả hoạt động kinh doanh, thanh toán các khoản công nợ với đối tác, khách hàng. Bộ phận bán hàng OTC được sử dụng cơ sở vật chất, văn phòng, kho để sử dụng vào hoạt động kinh doanh, được sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty để ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, ký hợp đồng, đóng bảo hiểm cho người lao động. Định kỳ hàng quý, Bộ phận bán hàng OTC nộp cho Công ty những khoản sau: Bảo hiểm xã hội cho người lao động, tiền sử dụng văn phòng, kho, tiền điện nước, tiền thuê bảo vệ, phí quản lý. Hàng tháng, bộ phận bán hàng OTC nộp về Công ty tờ khai thuế GTGT và hàng quý nộp báo cáo tài chính về Công ty để Công ty T3 cùng các bộ phận trực thuộc khác kê khai, báo cáo với cơ quan thuế.

Công ty B1 giữ chức vụ Trưởng bộ phận bán hàng OTC - Công ty CP D, đồng thời là người đứng đầu theo ủy quyền của Doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty cổ phần D - Trung tâm D1 (gọi tắt là Trung tâm D1); bổ nhiệm ông Ngô Việt A (con trai Hà Thị N) là người đứng đầu theo ủy quyền của Doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty CP D - Trung tâm D2 (gọi tắt là Trung tâm D2).

Với cương vị là T1 bộ phận bán hàng OTC, Giám đốc Trung tâm D1 và là người quản lý, điều hành Trung tâm D2, Hà Thị N đã thuê 20 lao động và bố trí làm việc tại các bộ phận gồm: Bộ phận kinh doanh, bộ phận kế toán, bộ phận kho hàng, bộ phận lái xe, bộ phận thủ quỹ và nhân viên thực hiện bán hàng.

Để giấu doanh số bán hàng, Hà Thị N yêu cầu bộ phận kinh doanh chỉ cung cấp số liệu, tài liệu đối với loại hàng hóa bán ra mà có hóa đơn GTGT mua vào của Công ty cổ phần D cho bộ phận kế toán. Bộ phận kế toán gồm: Chị Nguyễn Thị Việt T, Phạm Thị T2 căn cứ số liệu, tài liệu do bộ phận kinh doanh cung cấp hạch toán các khoản thu - chi, viết hóa đơn xuất bán hàng hóa cho khách, lập phiếu chi tiền, lập phiếu thu tiền, báo cáo Công ty cổ phần D để kê khai. Đối với hàng hóa bán ra còn lại, Hà Thị N tự hạch toán, theo dõi riêng, không báo cáo Công ty cổ phần D để kê khai thuế.

Căn cứ dữ liệu được lưu giữ và trích xuất trên phần mềm quản lý theo dõi hàng hóa nhập, xuất kho (velosoftware.congtyduocthaibinh.vn) do Hà Thị N quản lý, xác định: Năm 2021, 2022, 2023 Hà Thị N thực hiện xuất kho với tổng số tiền 229.038.464.425 đồng. Trong đó:

- Báo cáo để Công ty cổ phần D kê khai thuế đối với hàng hóa bán ra là 121.472.862.347 đồng (năm 2021 là 40.184.469.839 đồng, năm 2022 là 40.614.394.248 đồng, năm 2023 là 40.673.998.260 đồng).

- Không thực hiện báo cáo Công ty cổ phần D hàng hóa xuất bán với tổng số tiền 42.062.052.362 đồng (năm 2021 là 19.115.657.875 đồng, năm 2022 là 14.828.816.633 đồng, năm 2023 là 8.117.577.854 đồng).

- Đối với hàng hóa xuất bán còn lại với số tiền 65.503.549.716 đồng, mặc dù trên ứng dụng ghi nhận doanh thu hàng hóa bán ra nhưng trên thực tế hàng hóa này được trả lại cho nhà cung cấp, khách hàng trả lại, quà tặng cho khách hàng và lỗi phần mềm. Do vậy, hàng hóa này không phát sinh doanh thu.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 06/5/2025 của Tổ giám định tư pháp Chi cục thuế khu vực 5 và Bản kết luận giám định tư pháp ngày 25/7/2025 của Tổ giám định tư pháp Thuế tỉnh Hưng Yên kết luận: “Các năm 2021, 2022, 2023 hộ kinh doanh Hà Thị N đã có hoạt động mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vật tư y tế với tổng doanh số bán hàng 42.062.052.362 đồng (năm 2021 là 19.115.657.875 đồng, năm 2022 là 14.828.816.633 đồng, năm 2023 là 8.117.577.854 đồng) - là doanh số bán hàng Hà Thị N đã thực hiện song không nộp hồ sơ kê khai thuế, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa. Hành vi không nộp hồ sơ khai thuế, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa của hộ kinh doanh Hà Thị N theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 143 của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 là hành vi trốn thuế. Số tiền trốn thuế được xác định tương ứng với số thuế phát sinh phải nộp là **630.930.785** đồng, trong đó: số tiền thuế GTGT là 420.620.524 đồng, số thuế TNCN là 210.310.261 đồng. (Năm 2021 là 286.734.868 đồng, năm 2022 là 222.432.249 đồng, năm 2023 là 121.763.668 đồng).

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Hà Thị N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế là 630.930.786 đồng.

Cáo trạng số: 47/CT-VKSHY ngày 29/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Hà Thị N về tội Trốn thuế theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Hà Thị N phạm tội Trốn thuế.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Thị N số tiền từ 500.000.000 đồng đến 550.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 630.930.786 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo nhất trí và không tranh luận với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất là hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xét xử vắng mặt, trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các vật chứng, tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ, Kết luận giám định tư pháp của Chi cục thuế khu vực E và Thuế tỉnh Hưng Yên, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/6/2022, Hà Thị N được bổ nhiệm - Trưởng bộ phận bán hàng OTC, Giám đốc Trung tâm D1 - Công ty cổ phần D, nhiệm kỳ 2022 - 2024. Theo đó, N có trách nhiệm phát triển mạng lưới kinh doanh, khai thác nguồn hàng, bán hàng trong phạm vi của Công ty; tự chủ hạch toán và tự chịu trách nhiệm về các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, cá nhân Hà Thị N đã lợi dụng danh nghĩa, địa điểm của Công ty để hoạt động mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng và vật tư y tế (không đúng với ngành nghề kinh doanh hộ cá thể (*Hàng tạp hóa, bánh kẹo, đường sữa Theo thông tin Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 08A8012428 ngày 04/4/2018*) - không đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh có điều kiện với tổng doanh số bán hàng năm 2021, 2022, 2023 là 42.062.052.362 đồng. Kết luận giám định của cơ quan thuế xác định: Hộ kinh doanh Hà Thị N thuộc đối tượng nộp thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) và phải kê khai theo tháng hoặc quý, song bị cáo đã không nộp hồ sơ kê khai thuế, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 143 của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 là hành vi trốn thuế. Số tiền trốn thuế được xác định tương ứng với số thuế phát sinh phải nộp là **630.930.785** đồng; số tiền trốn thuế của các năm đều từ 100.000.000 đồng trở lên (năm 2021 là **286.734.868** đồng, năm 2022 là **222.432.249** đồng, năm 2023 là **121.763.668** đồng).

Bị cáo Hà Thị N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế theo Điều 200 Bộ luật Hình sự. Với tổng số thuế phát sinh phải nộp là **630.930.785** đồng và số tiền trốn thuế của các năm 2021, 2022, năm 2023 đều từ 100.000.000 đồng trở lên nên bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung tăng nặng là “Số tiền trốn thuế từ 300.000.000

đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” và “Phạm tội 02 lần trở lên”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Hà Thị N về tội Trốn thuế, theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước nên cần xử phạt bị cáo một hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế, không phải là đối tượng hình sự nguy hiểm. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt chính là hình Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước như nội dung đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[7]. Hình phạt bổ sung: Bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình Phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đối với các hình phạt bổ sung khác, xét thấy hiện nay Bộ phận bán hàng OTC, Trung tâm D1, Trung tâm D2 thuộc Công ty cổ phần D vẫn đang hoạt động, để tạo điều kiện cho bị cáo, các nhân viên, các sở sở trên tiếp tục hoạt động nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo trốn thuế số tiền **630.930.785** đồng, đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả **630.930.786** đồng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9]. Các nội dung khác liên quan:

Đối với kế toán Nguyễn Thị Việt T (từ năm 2021 đến tháng 6/2024) và chị Phạm Thị T2 (từ tháng 7/2024 đến tháng 6/2025) đều không biết và không nắm được cụ thể hàng hóa kinh doanh của Hà Thị N, không được phân quyền sử dụng phần mềm quản lý theo dõi hàng hóa nhập kho, xuất kho velosoftware.congtyduocthaibinh.vn; không được N bàn bạc, trao đổi về việc giấu doanh thu, không kê khai thuế với Công ty, không biết nguồn gốc hàng hóa này cũng như các hàng hóa khác do nhân viên mua của các nhà thuốc bên ngoài

bán cho khách hàng. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Việt T, Phạm Thị T2 là có căn cứ.

Đối với Ngô Việt A mặc dù là Giám đốc Trung tâm D2 nhưng Ngô Việt A không tham gia hoạt động kinh doanh của Trung tâm, mọi hoạt động kinh doanh của Trung tâm D2 do Hà Thị N chỉ đạo, điều hành, kê khai thuế đầy đủ. Bản thân Ngô Việt A là nhân viên bộ phận kho OCT quản lý, điều hành 05 xe ô tô giao hàng hóa, hàng tháng được Hà Thị N trả lương, không biết việc giấu doanh thu để trốn thuế của Hà Thị N tại kho OTC. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Việt A là có căn cứ.

Đối với Ngô Dương B - Giám đốc Công ty: Mặc dù Trung tâm OTC sử dụng cơ sở vật chất, kho bãi của Công ty nhưng hoạt động độc lập, không liên quan đến nguồn vốn, tài chính của Công ty. Hàng năm Hà Thị N phải thực hiện đóng góp, trả tiền thuê văn phòng, thuê đất. Ông B không được N bàn bạc hoặc tham gia vào hoạt động kinh doanh, không biết N kê khai nộp thuế với Cơ quan thuế về hàng hóa mua vào, bán ra. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Dương B là có căn cứ.

Đối với việc kê khai nộp thuế năm 2024: Căn cứ dữ liệu hàng hóa xuất kho được lưu trên phần mềm thì Hà Thị N đã thực hiện xuất bán với tổng số 74.214.463.475 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), đã thực hiện báo cáo về Công ty cổ phần D để thực hiện kê khai thuế GTGT đối với hàng hóa bán ra là 43.327.041.308 đồng, chưa thực hiện báo cáo Công ty cổ phần D đối với doanh thu hàng hóa bán ra để thực hiện kê khai thuế GTGT với tổng số tiền 11.958.858.346 đồng. Đối với hàng hóa xuất bán còn lại với số tiền 18.928.563.821 đồng mặc dù trên ứng dụng ghi nhận doanh thu hàng hóa bán ra nhưng trên thực tế hàng hóa này được trả lại cho nhà cung cấp, khách hàng trả lại, quà tặng cho khách hàng và lỗi phần mềm nên hàng hóa này không phát sinh doanh thu. Năm 2024, số tiền chưa kê khai thuế là 11.958.858.346 đồng, Hà Thị N đã lập tờ khai thuế GTGT kê khai bổ sung về Công ty cổ phần D để Công ty kê khai nộp thuế. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với kỳ kê khai thuế năm 2024 của Hà Thị N là phù hợp.

Năm 2018, Hà Thị N thành lập hộ kinh doanh hàng hóa, bánh kẹo, đường sữa, đã được cấp mã số thuế, tuy nhiên từ thời điểm cấp mã số thuế đến nay, hộ kinh doanh Hà Thị N không kê khai thuế, không phát sinh doanh thu phải nộp.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị N phạm tội “Trốn thuế”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hà Thị N số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

[3]. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 630.930.786 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng*) tại các biên lai số: 0000085 ngày 07/5/2025 (Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình); 0000080 và 0000081 ngày 29/7/2025 (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên).

[4]. Về án phí: Bị cáo Hà Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Vụ GDKT1 - TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- CQ CSĐT-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Biểu

